TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG ANA** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST Ngày 19 tháng 7 năm 2019 V/v Tranh chấp ly hôn	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thế Chiến.

2. Bà Bùi Thị Thiềm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987 (Có mặt).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Đội X, Buôn T, xã D, huyện K, tỉnh Đăk Lăk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/01/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh T kết hôn với chị Nguyễn Thị H trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện K vào ngày 21/9/2009. Sau khi kết hôn, anh chị cư trú tại đội X, Buôn T xã D, huyện K, tỉnh Đăk Lăk. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được 05 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, giữa anh và chị H không có tình cảm nên dẫn đến mâu thuẫn, vợ chồng không ai quan tâm đến nhau nữa, tình trạng trên kéo dài nhiều năm

nay, hiện nay hai người đã sống ly thân. Nhận thấy giữa anh và chị H không còn tình cảm thương yêu nhau nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 04 tháng 3 năm 2010, hiện cháu đang sống với chị H. Khi ly hôn, anh giao cho chị H trực tiếp nuôi con chung, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng theo thỏa thuận mà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng anh chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn chị Nguyễn Thị H để tham gia tố tụng, thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự tại Tòa án. Nhưng chị H vắng mặt tại các buổi làm việc nên không tiến hành lấy lời khai được.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 56; 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn T, cho anh T được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Anh T và chị H có 01 con chung. Quá trình tham gia tố tụng, các đương sự không có tranh chấp về việc nuôi dưỡng con chung. Cần tiếp tục giao con chung Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 04 tháng 3 năm 2010 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: khi ly hôn, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân, các đương sự xác nhận không có nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Nguyễn Văn T có đơn khởi kiện xin ly hôn với chị Nguyễn Thị H, có nguyện vọng giao con chung cho chị H nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Ly hôn và nuôi con*" quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị H cư trú tại đội X, Buôn T, xã D, huyện K, tỉnh Đăk Lăk. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đăk Lăk thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn chị H nhưng chị H vắng mặt tại các phiên làm việc nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai, không hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Bị đơn chị Nguyễn Thị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện K vào ngày 21/9/2009, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng anh T, chị H hạnh phúc được 05 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống, giữa vợ chồng không có tình cảm, thương yêu nhau. Hiện nay, anh chị đã sống ly thân. Từ những nguyên nhân trên, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Qua kết quả xác minh tại địa phương cho thấy, anh T và chị H hiện cư trú tại đội X, Buôn T, xã D, huyện K. Quá trình chung sống giữa anh chị thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hòa hợp. Chính quyền địa phương cũng đã hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không đạt kết quả.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế mâu thuẫn giữa anh T và chị H đã xảy ra mức độ đã trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T, cho anh T được ly hôn chị H là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- *Về con chung*: Anh T và chị H có 01 con chung là Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 04 tháng 3 năm 2010, hiện đang sống với chị H. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh T không có tranh chấp về việc nuôi dưỡng con chung, anh đồng ý để chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh tự nguyện cấp dưỡng theo thỏa thuận, ý kiến của cháu Đ có nguyện vọng muốn ở với mẹ. Xét thấy yêu cầu trên của nguyên đơn phù hợp với nguyện vọng của con chưa thành niên và tình hình thực tế giữa các bên. Căn cứ vào các điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 04 tháng 3 năm 2010 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận, Tòa án không đề cập giải quyết về vấn đề cấp dưỡng.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở việc thực hiện quyền này.

- *Về tài sản chung:* Anh T không yêu cầu phân chia nên Tòa án không đề cập giải quyết.

- *Về nợ chung*: Nguyên đơn xác nhận không có nên không đề cập giải quyết.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 04 tháng 3 năm 2010 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở việc thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000^{đ} (*ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Ana, biên lai số 9300 ngày 15/02/2019.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã D, huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Đình Tuyên